TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG** _____	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

Bản án số:102/2024/DS – ST
Ngày: 04-7-2024

"V/v Tranh chấp đòi lại tài sản (Tiền)"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Sa Pha

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phước

Ông Huỳnh Phước

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 6 và ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:437/2023/TLST- DS ngày 22 tháng 12 năm 2023; Về việc:*"Tranh chấp đòi lại tài sản (Tiền)"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:437/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Tạ Như Thanh T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 122, đường V, khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh Bạc Liêu.

+ *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Võ Minh R, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số 127/5, đường V, Hẻm 1, khóm A, phường b, thành phố C, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1985; Địa chỉ: ƠLK 09-19, Khu đô thị 5A, đường X, Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lưu Thị Hồng L, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 122, đường V, khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh Bạc Liêu. (Có đơn xin vắng mặt)

+ Bà Lê Thị Bích Th, sinh năm 1985. Địa chỉ: ƠLK 09-19, Khu đô thị 5A, đường X, Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2023 của nguyên đơn ông Tạ Như Thanh T và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, ông Tạ Như Thanh T với ông Nguyễn Văn Đ thỏa thuận góp vốn với nhau để nhận chuyển nhượng 03 thửa đất có diện tích 215,7m^2, tại thửa 126, tờ bản đồ số 64; Thửa đất có diện tích 240m^2, tại thửa 03, tờ bản đồ số 64; Thửa đất có diện tích 368m^2, tại thửa 126, tờ bản đồ số 64, cùng tọa lạc đường Lộc Ninh, khóm 7, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu của ông Trương Ngọc Giàu, bà Nguyễn Thị Liễu và bà Nguyễn Thị Huế với tổng số tiền là 5.300.000.000 đồng, để chuyển nhượng lại kiếm lời. Sau khi nhận chuyển nhượng 03 thửa đất nêu trên, hai bên thỏa thuận để cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Lê Thị Bích Th đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Bạc Liêu chỉnh lý sang tên ngày 26/6/2020.

Đến ngày 13/3/2022, hai bên thống nhất chuyển nhượng toàn bộ 03 thửa đất nêu trên cho người khác với số tiền 7.000.000.000 đồng (Bảy tỷ đồng), hai bên thỏa thuận phân chia lợi nhuận tiền bán đất có được sau khi trừ số tiền vốn mua đất hai bên đã bỏ ra theo tỷ lệ góp vốn, bên ông T được chia 1.300.000.000 đồng, bên ông Đ được chia 400.000.000 đồng và ông Đ làm cam kết đến ngày 01/5/2022 sẽ giao số tiền 1.300.000.000 đồng cho ông T. Tuy nhiên, đến hạn giao trả số tiền nêu trên thì ông Đ không thực hiện đúng như cam kết.

Vì vậy, nay ông Tạ Như Thanh T khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn Đ cùng với vợ là bà Lê Thị Bích Th có nghĩa vụ phải trả số tiền 1.300.000.000 đồng cho ông Tạ Như Thanh T theo Biên bản cam kết ngày 13/3/2022 mà hai bên đã thỏa thuận, ký kết và ông T không yêu cầu tính tiền lãi suất chậm thanh toán số tiền nêu trên.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Bích Th được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy

triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do, cũng như không có văn bản trả lời ý kiến cho Tòa án biết về việc bị nguyên đơn ông Tạ Như Thanh T khởi kiện yêu cầu trả số tiền 1.300.000.000 đồng theo Biên bản cam kết ngày 13/3/2022 mà hai bên đã thỏa thuận, ký kết về phân chia tiền lợi nhuận chuyển nhượng đất có được.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị Hồng L trình bày ý kiến: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn ông Tạ Như Thanh T và xin vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm.

* *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, quyền và nghĩa vụ của mình, cũng như chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Còn bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Bích Th đều vắng mặt, chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng như thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tạ Như Thanh T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ. Buộc ông Nguyễn Văn Đ, bà Lê Thị Bích Th có nghĩa vụ giao trả số tiền 1.300.000.000 đồng cho ông Tạ Như Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Bích Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị Hồng L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn Đ, bà Lê Thị Bích Th, bà Lưu Thị Hồng L theo quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Tạ Như Thanh T khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu trả số tiền lợi nhuận chuyển nhượng đất theo Biên nhận ngày 13/3/2022 hai bên cam kết thực

hiện. Do đó, quan hệ phát sinh tranh chấp được xác định là tranh chấp về dân sự mà cụ thể là tranh chấp đòi lại tài sản (Tiền) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn ông Nguyễn Văn Đ có địa chỉ cư trú tại phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, nên nguyên đơn ông Tạ Như Thanh T lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng giải quyết vụ kiện theo địa chỉ nơi cư trú của bị đơn là đúng thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện của vụ án: Do các đương sự không đặt ra yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nội dung vụ án: Ngày 26 tháng 6 năm 2020, ông Tạ Như Thanh T với ông Nguyễn Văn Đ thỏa thuận góp vốn với nhau để nhận chuyển nhượng 03 quyền sử dụng đất của ông Trương Ngọc Giàu, bà Nguyễn Thị Liễu và bà Nguyễn Thị Huế với tổng số tiền là 5.300.000.000 đồng để chuyển nhượng lại kiếm lời. Sau khi nhận chuyển nhượng 03 thửa đất nêu trên đến ngày 13/3/2022, ông T, ông Đ thống nhất chuyển nhượng toàn bộ 03 thửa đất nêu trên cho người khác với số tiền 7.000.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận phân chia lợi nhuận tiền bán đất có được theo tỷ lệ góp vốn, sau khi trừ số tiền vốn mua đất hai bên đã bỏ ra, tiền chi phí thực hiện các thủ tục chuyển nhượng, bên ông T được chia lợi nhuận là 1.300.000.000 đồng, bên ông Đ được chia 400.000.000 đồng và ông Đ làm cam kết đến ngày 01/5/2022 sẽ giao số tiền 1.300.000.000 đồng cho ông T. Tuy nhiên, đến hạn giao trả số tiền nêu trên thì ông Đ không thực hiện đúng như cam kết, nên ông T khởi kiện ông Đ. Từ đó các bên phát sinh tranh chấp.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[5.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Bích Th, yêu cầu trả số tiền lợi nhuận 1.300.000.000 đồng chuyển nhượng đất có được theo Biên nhận ngày 13/3/2022 hai bên thỏa thuận phân chia và cam kết thực hiện giao tiền thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Tạ Như Thanh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Bích Th không có ý kiến phản đối gì đối với số tiền lợi nhuận phân chia tiền chuyển nhượng đất có được theo thỏa thuận góp vốn mua đất ngày 26/6/2020. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã nộp cho Tòa án và đã được Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ như: Biên bản về việc góp vốn mua đất ngày 26/6/2020 giữa ông Tạ Như Thanh T với ông Nguyễn Văn Đ; Biên Nhận đặt cọc ngày 01/6/2020 giữa ông Tạ Như Thanh T với ông Trương

Ngọc G; Biên bản ngày 13/3/2022 có nội dung thỏa thuận phân chia tiền lợi nhuận chuyển nhượng đất giữa ông Tạ Như Thanh T với ông Nguyễn Văn Đ và các tài liệu chứng cứ khác kèm theo (Bút lục 11 đến 24), thể hiện nội dung vụ việc hai bên có thỏa thuận góp vốn mua đất với số tiền 5.300.000.000 đồng và chuyển nhượng lại 03 quyền sử dụng đất nêu trên với số tiền 7.000.000.000 đồng, có được tiền lợi nhuận chuyển nhượng đất là 1.700.000.000 đồng, nên đây là những tình tiết sự thật, không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5.2] Theo nội dung Biên bản ngày 13/3/2022, lập tại Công ty TNHH Đ thỏa thuận phân chia tiền lợi nhuận chuyển nhượng đất giữa ông Tạ Như Thanh T với ông Nguyễn Văn Đ như sau: *"...Ông Nguyễn Văn Đ cam kết đến ngày 01/5/2022 sẽ thanh toán dứt điểm số tiền trên cho anh T (số tiền 1.300.000.000 đồng)...hai bên đồng ý, ký tên"* (Bút lục 13).

[5.3] Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử vụ án thì phía bị đơn ông Nguyễn Văn Đ không có ý kiến gì phản đối hoặc cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn ông Tạ Như Thanh T theo Biên bản ngày 13/3/2022 hai bên đã thỏa thuận, ký kết. Nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5.4] Do ông Nguyễn Văn Đ với bà Lê Thị Bích Th là vợ chồng, cùng đứng tên 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đã nhận chuyển nhượng của ông Trương Ngọc G, bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị H theo Biên bản về việc góp vốn mua đất ngày 26/6/2020 giữa ông Tạ Như Thanh T với ông Nguyễn Văn Đ và sau đó ông Đ với ông T thỏa thuận, thống nhất chuyển nhượng lại 03 quyền sử dụng đất nêu trên với số tiền 7.000.000.000 đồng, có lợi nhuận số tiền là 1.700.000.000 đồng, nên ông T khởi kiện yêu cầu ông Đ với bà Th cùng có nghĩa vụ trả số tiền lợi nhuận chuyển nhượng đất theo thỏa thuận phân chia được nhận định tại mục [5.2] nêu trên là có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét. Đồng thời, trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử vụ án thì bà Lê Thị Bích Th cũng không có ý kiến gì phản đối hoặc cung cấp tài liệu, chứng cứ gì chứng minh để phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T, yêu cầu bà Th có nghĩa vụ liên đới với ông Nguyễn Văn Đ trả tiền cho nguyên đơn ông Tạ Như Thanh T theo Biên bản ngày 13/3/2022 hai bên đã thỏa thuận, ký kết. Nên bà Lê Thị Bích Th phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Từ những nhận định, phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ

để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tạ Như Thanh T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Bích Th, có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 1.300.000.0000 đồng cho ông T.

[7] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Bích Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định. Nguyên đơn ông Tạ Như Thanh T không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

[8] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa về việc chấp hành pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự, cũng như quan điểm về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ các Điều 166, 274, 275, 278, 288 Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tạ Như Thanh T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Bích Th.

2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Bích Th có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Tạ Như Thanh T số tiền 1.300.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng).

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn ông Tạ Như Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn Đ, bà Lê Thị Bích Th chậm trả số tiền nêu trên cho ông T thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm trả theo mức

lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả thi hành án.

3. Về án phí sơ thẩm:

3.1 Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Bích Th có nghĩa vụ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 51.000.000 đồng (Năm mươi mốt triệu đồng).

3.2 Nguyên đơn ông Tạ Như Thanh T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.500.000 đồng theo biên lai thu số 0001348 ngày 14/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Bích Th thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *VKSND TP. Sóc Trăng;*
- *Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha